

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 CỦA HUYỆN AN LÃO

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính									
				Xã An Hòa	Xã An Tân	Thị trấn An Lão	Xã An Trung	Xã An Dũng	Xã An Vinh	Xã An Hưng	Xã An Quang	Xã An Nghĩa	Xã An Toàn
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
-	Đất công trình năng lượng	DNL											
-	Đất công trình bưu chính VT	DBV											
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,40	0,35	0,05								
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,90				0,90						
2.9	Đất tôn giáo	TON											
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN											
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	1,33	1,00		0,19	0,06			0,08			
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	132,60	8,09	3,15	28,52	2,64	3,00	21,00	11,12	34,26	10,02	10,80
-	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	6,10	1,05		5,00		0,05					
-	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	126,50	7,04	3,15	23,52	2,64	2,95	21,00	11,12	34,26	10,02	10,80
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											
3	Đất chưa sử dụng	CSD	215,32	44,70	18,30	2,73	58,90	2,21	19,68	24,70	18,50	2,50	23,10

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Xã An Hòa	Xã An Tân	Thị trấn An Lão	Xã An Trung	Xã An Dũng	Xã An Vinh	Xã An Hưng	Xã An Quang	Xã An Nghĩa	Xã An Toàn
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)	(8)	9,00	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	143,59	3,29	7,00	10,50							122,80
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT											
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		150,75	12,44	3,37	33,95	4,49	7,00	21,20	12,21	34,88	10,30	10,91
	Trong đó:												
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC											
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	4,28	0,65	0,12	3,51							
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK											
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK											
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Định)

[illegible]

[illegible]

[illegible]